



Báo cáo Quỹ Liên Kết Đơn Vị NĂM 2024

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ **SUN LIFE VIỆT NAM**

TP. HCM: Tầng 29, Tòa nhà Vietcombank, 5 Công trường Mê Linh, P. Bến Nghé, Q. 1

Hà Nội: Tầng 22, Tòa nhà Capital Place, 29 Liễu Giai, Ngọc Khánh, Ba Đình

Đà Nẵng: Tòa nhà Nexus, 75-77- 79, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Q. Hải Châu

1800 1786

www.sunlife.com.vn

Dichvu.Khanghang@sunlife.com

ref: ILPAR-202503



Mục lục

THÔNGIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC

Trang 4

**NHỮNG THÔNG TIN NỔI BẬT
VỀ SUN LIFE VIỆT NAM 2024**

Trang 6

TÌNH HÌNH VĨ MÔ - TÀI CHÍNH 2024

Trang 8

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ VÀ PHÂN BỐ TÀI SẢN

Trang 16

**PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ**

**KẾT QUẢ ĐẦU TƯ CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT
ĐƠN VỊ TRONG NĂM 2024**

Trang 18

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA
CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ**

Trang 24

TRIỂN VỌNG NĂM 2025

Trang 30

**GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ
QUỸ SSI (SSIAM)**

Trang 34

**GIỚI THIỆU CÁC GIẢI PHÁP TIÊU BIỂU
TỪ SUN LIFE VIỆT NAM**

Trang 36



THÔNGIỆP TỪ TỔNG GIÁM ĐỐC Sun Life Việt Nam

Kính gửi Quý Khách hàng,

Với chiến lược "Giá trị mang lại cho Khách hàng", năm 2024 là một năm vượt trội của Sun Life Việt Nam trong việc cải tiến tổng thể và đồng bộ về dịch vụ chăm sóc khách hàng, từ quy trình quản lý hợp đồng bảo hiểm và tư vấn các giải pháp tài chính cho Khách hàng, cho đến việc tối ưu hóa quy trình yêu cầu bồi thường để mang lại cho Khách hàng trải nghiệm dễ dàng và đơn giản hơn.

Nhờ vậy, trong năm qua, Sun Life Việt Nam đã được Tạp chí Tài chính Quốc tế (thuộc International Finance Publications Limited có trụ sở tại Vương quốc Anh) vinh danh với giải thưởng "Công ty Bảo hiểm Nhân thọ có Dịch vụ Khách hàng tốt nhất - Việt Nam 2024" nhờ cam kết không ngừng nghỉ của chúng tôi đối với sự hài lòng của khách hàng, các giải pháp dịch vụ sáng tạo và sự chăm sóc cá nhân hóa, điều đã giúp Sun Life Việt Nam nổi bật trong ngành.

Ngoài ra, tính đến 31/12/2024, Sun Life là:

- Một trong top 3 công ty bảo hiểm nhân thọ đứng đầu tại thị trường bảo hiểm Việt Nam về quy mô vốn điều lệ với số vốn đạt 17.944 tỷ đồng.
- Có doanh thu phí bảo hiểm mới đạt hơn 1.177 tỷ đồng, đứng ở vị trí thứ 9 về doanh thu bảo hiểm và thứ 5 về doanh số bancassurance, tăng 4 bậc về doanh thu bảo hiểm.
- Tiếp tục là công ty dẫn đầu thị trường về bảo hiểm hưu trí tự nguyện tại Việt Nam, tổng tài sản đang quản lý Quỹ hưu trí tự nguyện đạt hơn 3.851 tỷ đồng với tỷ lệ chi trả là 4,52%.

- Lần thứ 3 liên tiếp đạt giải thưởng Great Place To Work - Nơi làm việc xuất sắc (2022, 2023, 2024) do tổ chức công bố Bảng xếp hạng Nơi làm việc Xuất sắc trao tặng.
- Sun Life Việt Nam đang bảo vệ tài chính cho hơn 200.000 khách hàng.
- Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm hơn 135 tỷ đồng trong năm 2024.

Trong năm 2025, Sun Life Việt Nam tiếp tục khẳng định lời cam kết mang lại lợi ích cho Khách hàng thông qua các giải pháp sáng tạo và cung cấp quyền tiếp cận rộng rãi và dễ dàng hơn với các lời khuyên về sức khỏe và tài chính, đồng thời vẫn cung cấp cho Khách hàng nhiều gói sản phẩm khác nhau nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu bảo vệ sức khỏe, tiết kiệm, đầu tư tài chính của người dân Việt Nam.

Thay mặt Sun Life Việt Nam, tôi trân trọng gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý doanh nghiệp, Khách hàng đã đồng hành cùng Sun Life trong hành trình hướng đến một tương lai lạc quan và tươi sáng.

Xin kính chúc toàn thể Quý Khách hàng sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng,

Luc Nhon Ly
Tổng giám đốc Sun Life Việt Nam

SUN LIFE VIỆT NAM
TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN

17.944 tỷ đồng

SUN LIFE
ĐÓNG GÓP

1,8 tỷ đồng

Hỗ trợ 500 hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi bão Yagi tại các tỉnh phía Bắc, góp phần giúp những gia đình bị ảnh hưởng và xây dựng cuộc sống ổn định với tương lai tươi sáng hơn.

Sun Life Việt Nam

Được vinh danh
giải thưởng



**CÔNG TY BẢO HIỂM NHÂN THỌ
CÓ DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG
TỐT NHẤT - VIỆT NAM 2024**

Sun Life Việt Nam được Tạp chí Tài chính Quốc tế (IFM) vinh danh nhờ vào các dịch vụ Khách hàng xuất sắc, các giải pháp sáng tạo và sự chăm sóc cá nhân hóa.

Tình hình Vĩ mô - tài chính năm 2024

KINH TẾ VĨ MÔ

Năm 2024, kinh tế thế giới đã có dấu hiệu ổn định hơn mặc dù tốc độ tăng trưởng vẫn chưa phục hồi về mức trước đại dịch. Theo dự báo của Ngân hàng thế giới, GDP toàn cầu dự kiến tăng 2,6% trong năm 2024, cao hơn so với mức 2,4% của năm 2023 nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình giai đoạn 2010-2019 (3,2%). Lạm phát đang trong xu hướng giảm mà không gây ra sự suy thoái nghiêm trọng tại các nền kinh tế chủ chốt, trong khi chính sách tiền tệ có xu hướng nới lỏng trên diện rộng. Khối lượng thương mại toàn cầu ước tính tăng 2,3% trong năm 2024, cao hơn mức 1,0% của năm 2023 nhưng vẫn chịu áp lực từ xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng.

Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam năm 2024 tăng 7,1%, cao hơn so với mục tiêu 6%-6,5% do Quốc Hội phê duyệt với động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ khu vực sản xuất và dịch vụ. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đã cải thiện đáng kể kể từ quý 2 nhờ mặt bằng lãi suất duy trì ở mức thấp, xuất nhập khẩu tăng trưởng tốt, tăng trưởng khách du lịch và các thay đổi tích cực về mặt pháp lý đã từng bước hồi phục thị trường bất động sản. Chỉ số lạm phát (CPI) bình quân năm 2024 tăng 3,6% so với năm 2022, đạt mục tiêu kiểm soát dưới 4,5% do Quốc hội đề ra, chủ yếu nhờ giá xăng dầu tương đối ổn định. Mặc dù vậy, Việt Nam đồng chịu áp lực giảm giá 5% so với đồng Đô la Mỹ do sự mạnh lên của đồng Đô la Mỹ ở quy mô toàn cầu và các bất ổn địa chính trị.

Khu vực dịch vụ tiếp tục đóng góp vai trò là động lực tăng trưởng chính với mức tăng 7,4%, đóng góp 49% trong tổng mức tăng chung của toàn nền kinh tế. Tỷ lệ thất nghiệp trung bình trong độ tuổi lao động tiếp tục giảm nhẹ xuống còn 2,24% so với mức trung bình 2,28% của 2023 trong khi thu nhập bình quân tháng của người lao động tăng 8,6% so với cùng kỳ, cao hơn so với mức tăng 6,9% trong năm 2023.

Đáng chú ý, nhóm ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 12,9% nhờ nhờ lượng khách quốc tế phục hồi mạnh vào năm 2024. Tổng lượng khách quốc tế trong năm 2024 tăng 40% lên 17,6 triệu lượt khách, tương đương 97,6% so với mức trước đại dịch, hoàn thành mục tiêu 17 đến 18 triệu lượt khách của Chính phủ vào năm 2024.

Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,2%, đóng góp 45% trong tổng mức tăng chung của toàn nền kinh tế. Trong đó, ngành chế biến chế tạo tăng trưởng 9,8%, cao hơn đáng kể so với mức tăng khiêm tốn 3,6% trong năm 2023. Gần 50% phân ngành sản xuất chế biến chế tạo ghi nhận mức tăng trưởng 2 chữ số có thể kể đến như cao su, nhựa, nội thất, phương tiện vận tải. Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất liên tục duy trì trên mức 50 điểm với số lượng đơn đặt hàng mới gia tăng, tuy nhiên chỉ số này đã giảm xuống dưới mức 50 trong tháng 12 do lo ngại về những bất ổn và biến động trên thị trường toàn cầu.

Kim ngạch xuất nhập khẩu đều tăng trưởng trên 2 chữ số. Xuất khẩu tăng trưởng 14% so với năm 2023 đạt 405 tỷ USD, trong đó tất cả các mặt hàng chủ lực đều tiếp tục tăng. Cán cân thương mại thặng dư 24,8 tỷ USD, giảm 3,6 tỷ USD so với năm 2023. Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch xuất khẩu đạt 120 tỷ USD, ghi nhận mức thặng dư thương mại 105 tỷ USD. Trong khi đó, Trung Quốc, thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam, ghi nhận thâm hụt thương mại 84 tỷ USD.

Giải ngân vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giải ngân tăng 9,4% so với cùng kỳ, đạt kỷ lục 25,4 tỷ USD. Trong khi đó vốn đăng ký giảm nhẹ 3% so với cùng kỳ và duy trì ở mức cao, đạt 38,2 tỷ USD. Giải ngân vốn đầu tư công trong năm 2024 đạt 636 nghìn tỷ đồng, bằng 93% mục tiêu Thủ tướng Chính phủ giao.

GDP của Việt Nam
năm 2024 tăng

7,1%

với động lực tăng trưởng đến từ
khu vực sản xuất và dịch vụ.

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Trong năm 2024, Ngân Hàng Nhà Nước (NHNN) tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng, đồng thời ứng phó linh hoạt với diễn biến kinh tế thế giới và trong nước để thực thi các chính sách tạo điều kiện cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng, phục hồi sản xuất kinh doanh, góp phần thúc đẩy tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô. Trong điều hành lãi suất, sau khi điều chỉnh giảm mạnh lãi suất vào năm 2023, NHNN tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành ở mức thấp trong bối cảnh lãi suất thế giới vẫn neo ở mức cao, tạo điều kiện cho tổ chức tín dụng giảm lãi suất cho vay trên thị trường. Mặt bằng lãi suất cho vay giảm nhẹ (0,96%/năm) so với cuối năm 2023. Tuy nhiên, lãi suất huy động đã tạo đáy từ quý 2 năm 2024, và chịu áp lực tăng (0,5%/năm) từ đáy nhưng vẫn ở mức thấp hơn giai đoạn dịch bệnh, do thanh khoản hệ thống thắt chặt hơn, do huy động từ khách hàng thấp hơn mức tăng trưởng tín dụng.

Về tín dụng, NHNN thực hiện điều hành tăng trưởng tín dụng linh hoạt, hiệu quả, kịp thời, đáp ứng vốn tín dụng cho nền kinh tế, khi đã chủ động thực hiện 2 lần điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho các tổ chức tín dụng trong năm 2024. Tính đến ngày 31/12/2024, tín dụng nền kinh tế tăng khoảng 15,08% so với năm 2023, và tập trung vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên. Tăng trưởng huy động vốn ghi nhận ở mức 12,9% so với năm 2023, thấp hơn tăng trưởng tín dụng.

Về thị trường ngoại hối, các bất ổn bên ngoài như chính sách lãi suất của FED, chênh lệch lãi suất giữa VND và USD một số giai đoạn tăng cao và các rủi ro địa chính trị đã tác động mạnh đến tỷ giá giữa đồng Việt Nam và đồng USD. Trước diễn biến phức tạp của tỷ giá, Ngân hàng Nhà nước đã phải can thiệp linh hoạt thông qua nghiệp vụ bán USD từ dự trữ ngoại hối cũng như phát hành tín phiếu ngắn hạn nhằm giảm đà tăng của tỷ giá. Đến cuối năm 2024, VNĐ mất giá khoảng 5% so với USD.

Tăng trưởng tín dụng năm 2024

15,08%

so với 2023 tập trung vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên.

Tổng giá trị phát hành TPDN
trong năm 2024

474 nghìn
tỷ đồng

tăng 35% so với cùng kỳ.



THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ:

Trong năm 2024, Kho Bạc Nhà Nước (KBNN) đã phát hành 330,4 nghìn tỷ đồng TPCP, chỉ hoàn thành 83% kế hoạch của năm. Một số yếu tố dẫn đến mức giảm là do áp lực phát hành từ KBNN giảm do tổng thu ngân sách nhà nước đã vượt kế hoạch cả năm. Trong năm 2024, dòng vốn đầu tư nước ngoài đổ vào TPCP có sự cải thiện, giá trị mua ròng hơn 2.653 tỷ đồng trong năm, đã góp phần tăng thanh khoản và ổn định thị trường.

Trên thị trường thứ cấp, giá trị niêm yết trái phiếu Chính phủ tại thời điểm cuối năm 2024 đạt 2.221.923 tỷ đồng, tăng 80,7% so với năm 2023, trong đó giao dịch outright chiếm 65% tổng giá trị giao dịch toàn thị trường, còn lại là giao dịch repos.

Lãi suất trái phiếu các kỳ hạn có xu hướng tăng trong năm 2024, tại thời điểm cuối năm 2024, lãi suất huy động trái phiếu các kỳ hạn 5 năm, 10 năm, và 30 năm lần lượt là 1,98%, 2,77% và 3,22%. Lợi suất thị trường thứ cấp tăng theo đà tăng của lợi suất thị trường sơ cấp. Trên thị trường thứ cấp, lợi suất của tất cả các kỳ hạn đều tăng, trong đó lợi suất của kỳ hạn 1 năm, 5 năm và 15 năm lần lượt được niêm yết ở mức 1,97%, 2,29% và 3,12%. Xu hướng tăng của lợi suất trái phiếu Chính phủ cũng phản ánh kỳ vọng của nhà đầu tư về một chu kỳ tăng lãi suất kéo dài trong tương lai, đồng thời cho thấy những lo ngại về lạm phát và áp lực lên ngân sách nhà nước.

TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP:

Năm 2024, thị trường trái phiếu doanh nghiệp ghi nhận sự phục hồi tích cực sau giai đoạn biến động 2022 - 2023. Tổng giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp đạt khoảng 474 nghìn tỷ đồng, tăng 35% so với cùng kỳ. Trong đó lĩnh vực ngân hàng dẫn đầu với 66% tổng giá trị phát hành, tăng 56% so với cùng kỳ. Nhóm doanh nghiệp phi ngân hàng ghi nhận mức tăng khiêm tốn 3%, trong đó lĩnh vực bất động sản tiếp tục suy giảm. Hoạt động phát hành trái phiếu chủ yếu tập trung vào nhu cầu tái cấp vốn của doanh nghiệp và duy trì các chỉ số an toàn tài chính của ngân hàng, trong khi nhu cầu tài trợ cho các dự án kinh doanh mở rộng không nhiều. Trong năm 2024, cũng ghi nhận một số các tổ chức tín dụng phát hành trái phiếu xanh để tài trợ cho các dự án có lợi ích về môi trường.

Thanh khoản trên thị trường thứ cấp được cải thiện đáng kể với tổng giá trị giao dịch bình quân hàng ngày tăng gấp 4 lần so với năm 2023 đạt trên 4 nghìn tỷ đồng. Phần lớn giá trị giao dịch đến từ trái phiếu do các ngân hàng phát hành.

Trái phiếu chậm trả hiện chiếm khoảng 19% tổng giá trị trái phiếu đang lưu hành trên thị trường trong đó 64% số trái phiếu này đã được đàm phán lại thời hạn trả nợ. Mặc dù tỷ lệ trái phiếu chậm trả/tái cơ cấu vẫn ở mức cao, quá trình tái cấu trúc và giãn nợ đã cho phép các doanh nghiệp có thời gian để cân đối thanh khoản, giúp ổn định thị trường trái phiếu. Số lượng trái phiếu có vấn đề đã giảm mạnh từ đỉnh (quý 2 năm 2023). Tính riêng trong năm 2024, tổng giá trị trái phiếu chậm trả là 122 nghìn tỷ đồng, giảm hơn 40% so với cùng kỳ.

Tính đến cuối năm 2024, tổng dư nợ trái phiếu doanh nghiệp đạt khoảng 1,2 triệu tỷ đồng, tương đương 11% GDP – một tỷ lệ khiêm tốn so với các quốc gia khác trong khu vực như Malaysia (54%), Singapore (34%), và Thái Lan (25%). Dư nợ trái phiếu doanh nghiệp chỉ chiếm 8,1% tổng dư nợ tín dụng của toàn nền kinh tế, cho thấy tiềm năng phát triển lớn của thị trường trong dài hạn.

VN-Index năm 2024 đã tăng trưởng

12%

kể từ đầu năm.

THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU

Trong năm 2024, VN index tiếp tục ghi nhận xu hướng phục hồi với sự gia tăng về mặt thanh khoản. Thị trường ghi nhận đà tăng điểm ấn tượng trong Q1 trước khi chững lại do những áp lực trong và ngoài nước, có thể kể đến như: (1) ảnh hưởng từ những thay đổi nhân sự chủ chốt trong bộ máy nhà nước; (2) áp lực từ quá trình bình thường hóa chính sách tiền tệ ở các thị trường lớn diễn ra muộn hơn dự kiến và (3) những biến động khó lường từ việc tổng thống Donald Trump tái đắc cử.

Các chỉ số vĩ mô thuận lợi, môi trường lãi suất thấp và sự hỗ trợ của chính phủ trong việc tháo gỡ các vấn đề pháp lý đã thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận của các doanh nghiệp và hỗ trợ tâm lý của các nhà đầu tư. Lợi nhuận sau thuế trên cổ phiếu (của VNindex) tăng trưởng gần 10%, cao hơn hầu hết các nước trong khu vực. Mặc dù các yếu tố bất định trên thị trường toàn cầu đã dẫn đến làn sóng rút vốn mạnh từ nhà đầu tư nước ngoài, với tổng trị giá bán ròng ước tính khoảng 3,4 tỷ USD trong năm 2024 kéo tỷ lệ sở hữu nước ngoài xuống dưới 17% trong năm 2024, VN index đã tăng trưởng 12% kể từ đầu năm với thanh khoản khớp lệnh trung bình phiên tăng 21% so với cùng kỳ năm ngoái.

Diễn biến tích cực diễn ra trên diện rộng, hầu hết các nhóm ngành đều ghi nhận tăng trưởng tích cực, dẫn đầu là lĩnh vực công nghệ (+73%), tiếp theo là ngân hàng và công nghiệp đều tăng 18%. Nhóm bất động sản tiếp tục suy giảm 4% kể từ đầu năm, tuy nhiên đã cho thấy sự cải thiện đáng kể so với năm 2023. Dòng tiền có xu hướng quay trở lại nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn trong khi nhóm vốn hóa vừa và nhỏ cũng có dấu hiệu hồi phục nhẹ.

Chiến lược đầu tư và phân bổ tài sản của các Quỹ liên kết đơn vị

Chiến lược đầu tư của các quỹ liên kết đơn vị là xây dựng danh mục tài sản với mục tiêu về lợi nhuận kỳ vọng khác nhau, phù hợp với mức độ chấp nhận rủi ro của từng nhà đầu tư:

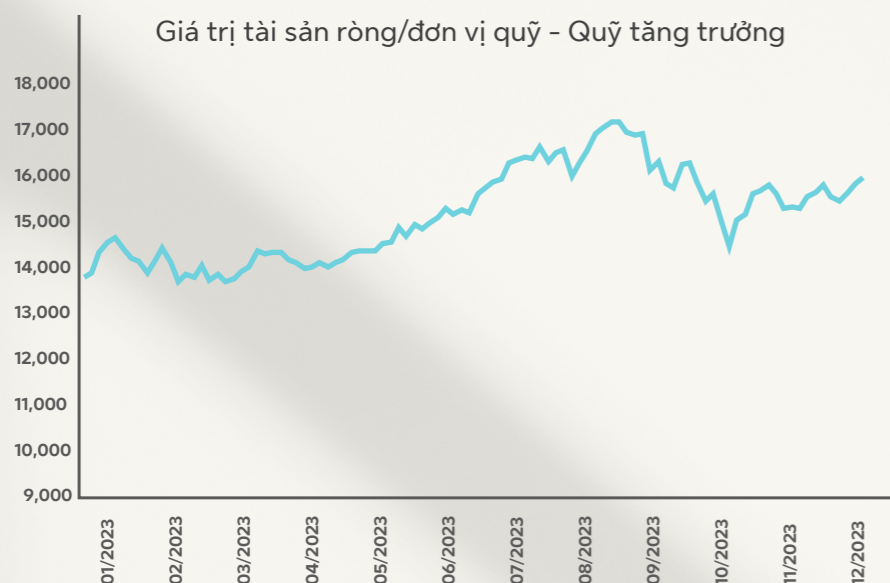
Tùy vào tình hình thị trường tài chính trong từng giai đoạn, Công ty Quản lý quỹ sẽ phân bổ từng loại tài sản theo hạn mức đầu tư nêu trên để cân đối giữa lợi nhuận và rủi ro cho từng danh mục.

TÊN QUỸ	MỤC TIÊU	CHÍNH SÁCH VÀ RỦI RO ĐẦU TƯ	PHÂN BỐ TÀI SẢN
QUỸ TĂNG TRƯỞNG	Tối đa hóa tổng thu nhập từ các khoản đầu tư trung đến dài hạn	Đầu tư vào danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao Rủi ro đầu tư: cao	Cổ phiếu chưa niêm yết và cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam (tối thiểu 75%) Công cụ đầu tư có thu nhập ổn định niêm yết hoặc chưa niêm yết (bao gồm trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng ...) (tối đa 25%)
QUỸ TỐI ƯU	Tối đa hóa tổng thu nhập từ các khoản đầu tư trung đến dài hạn	Đầu tư vào danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam thuộc các lĩnh vực nền tảng của nền kinh tế, đóng góp chủ đạo cho GDP trong dài hạn: • Công nghiệp • Vật liệu • Công nghệ thông tin • Hàng tiêu dùng Rủi ro đầu tư: cao	Cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam thuộc các lĩnh vực công nghiệp, vật liệu, công nghệ thông tin và hàng tiêu dùng (tối thiểu 90%) Công cụ đầu tư có thu nhập ổn định niêm yết hoặc chưa niêm yết (bao gồm trái phiếu chính phủ, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng ...) (tối đa 10%)
QUỸ ĐẲNG CẤP	Tối đa hóa tổng thu nhập từ các khoản đầu tư trung đến dài hạn	Đầu tư vào danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam đối với các doanh nghiệp đã đạt giới hạn sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài Rủi ro đầu tư: cao	Cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng tốt, đáp ứng 3 tiêu chí: • Có giá trị vốn hóa tối thiểu 2.000 tỷ Đồng Việt Nam, • Giá trị giao dịch trung bình hàng ngày tối thiểu 10 tỷ Đồng Việt Nam trong 3 tháng gần nhất, • Tỷ lệ cổ phiếu nhà đầu tư nước ngoài còn có thể mua là thấp hơn 5% và giá trị không quá 500 tỷ Đồng Việt Nam (tối thiểu 90%). Công cụ đầu tư có thu nhập ổn định niêm yết hoặc chưa niêm yết (bao gồm trái phiếu chính phủ, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng ...) (tối đa 10%)
QUỸ CÂN BẰNG	Tạo ra sự phối hợp cân bằng giữa thu nhập ổn định và sự tăng trưởng vốn trung và dài hạn	Đầu tư vào các danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam có thu nhập ổn định, đồng thời đầu tư vào các tài sản có tiềm năng tăng trưởng vốn Rủi ro đầu tư: trung bình	Cổ phiếu chưa niêm yết và các cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam (35% - 65%) Công cụ đầu tư có thu nhập ổn định niêm yết hoặc chưa niêm yết (bao gồm trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng ...) (35% - 65%)
QUỸ BỀN VỮNG	Tạo thu nhập ổn định song song với bảo toàn vốn trung và dài hạn	Đầu tư chủ yếu vào danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam có thu nhập ổn định Rủi ro đầu tư: thấp	Công cụ đầu tư có thu nhập ổn định niêm yết hoặc chưa niêm yết (bao gồm trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng ...) (100%)

Phân tích kết quả Đầu tư của Quỹ Liên kết Đơn vị năm 2024

QUỸ TĂNG TRƯỞNG

Quỹ Tăng Trưởng có sự thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên một Đơn vị quỹ ở mức tăng 27,7%, tốt hơn so với VN-Index (tăng 12,8%) trong cùng giai đoạn đầu tư năm 2024.



Năm 2024 là năm hoạt động thứ năm của các quỹ liên kết đơn vị. Nhìn chung, các quỹ vẫn đạt được kết quả đầu tư vượt trội so với các chỉ số chứng khoán chung.

Quỹ tập trung vào xây dựng một danh mục cổ phiếu đa dạng với tiềm năng phát triển dài hạn. Với mục tiêu đó, Quỹ lựa chọn cổ phiếu của các doanh nghiệp hàng đầu các ngành có khả năng tăng trưởng dài hạn như công nghệ, bán lẻ, ngân hàng, vật liệu, cảng biển.

PHÂN BỐ TÀI SẢN VÀ DANH MỤC CỦA QUỸ TĂNG TRƯỞNG TẠI NGÀY 26 THÁNG 12 NĂM 2024

Phân bố tài sản:

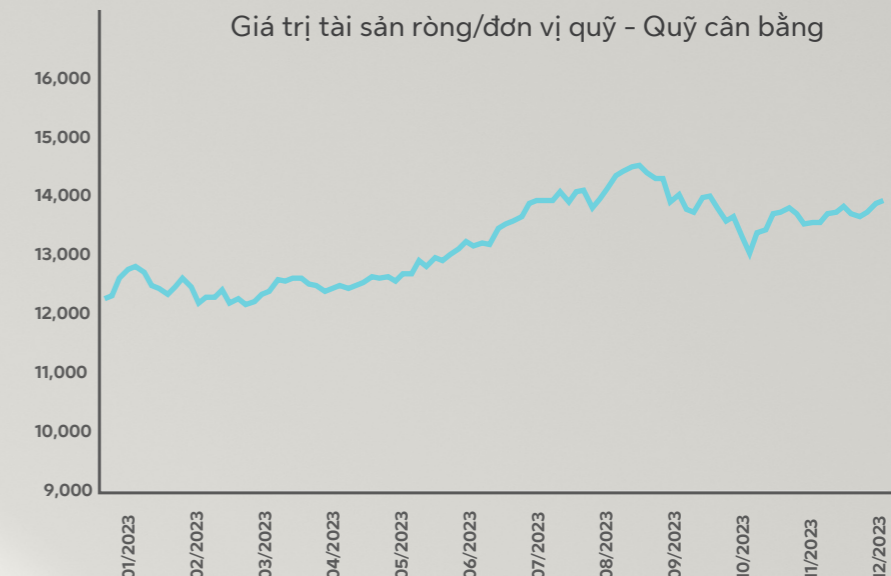
- Tiền mặt và tiền gửi: 10%
- Cổ phiếu: 89%
- Tài sản khác: 1%

Các khoản đầu tư lớn nhất:

STT	KHOẢN ĐẦU TƯ	TỶ TRỌNG
1	Cổ phiếu Công ty Cổ phần FPT	11,99%
2	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Á Châu	8,4%
3	Cổ phiếu công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	5,46%
4	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	5,15%
5	Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam	4,46%
6	Cổ Phiếu Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	4,07%
7	Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội	3,89%
8	Cổ phiếu CTCP Đầu tư Thế giới Di động	3,44%
9	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	3,4%
10	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	3,36%

QUỸ CÂN BẰNG

Quỹ Cân Bằng có sự thay đổi trị tài sản ròng (NAV) trên một Đơn vị quỹ ở mức tăng 20,0%, tương ứng mức trung bình của VN-Index (tăng 12,8%) và lãi suất trung bình trái phiếu Chính phủ kỳ hạn mười năm (2,66%) trong cùng giai đoạn đầu tư năm 2024.



PHÂN BỐ TÀI SẢN VÀ DANH MỤC CỦA QUỸ CÂN BẰNG TẠI NGÀY 26 THÁNG 12 NĂM 2024

Phân bố tài sản:

- Tiền mặt và tiền gửi: 8,2%
- Trái phiếu doanh nghiệp: 30,6%
- Cổ phiếu: 60,5%
- Tài sản khác: 0,7%

Các khoản đầu tư lớn nhất:

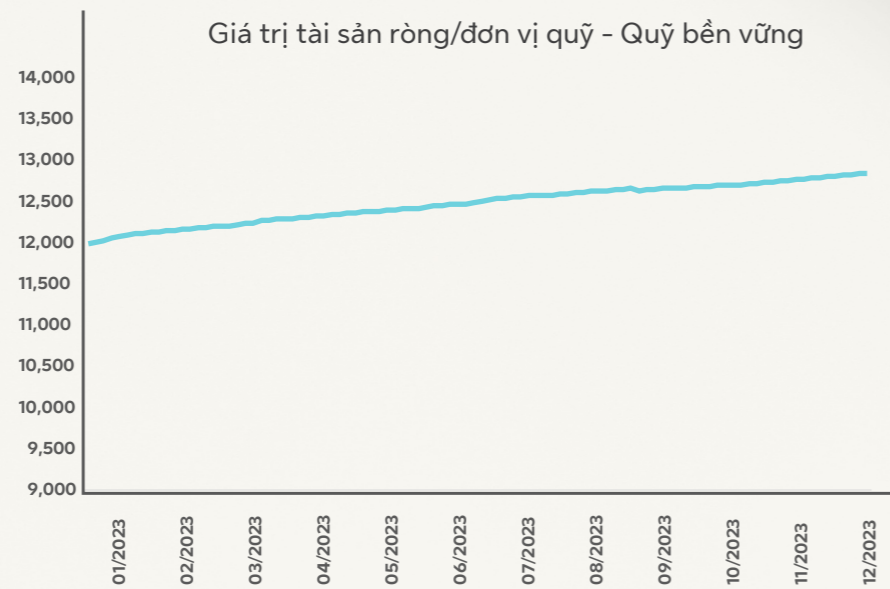
STT	KHOẢN ĐẦU TƯ	TỶ TRỌNG
1	Trái phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Taseco	13,35%
2	Trái phiếu Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	10,61%
3	Cổ phiếu Công ty Cổ phần FPT	7,66%
4	Trái phiếu Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco	6,67%
5	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Á Châu	6,02%
6	Cổ phiếu công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	3,56%
7	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	3,28%
8	Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam	3,02%
9	Cổ Phiếu Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	2,82%
10	Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội	2,77%

Trong năm 2024, đối với danh mục cổ phiếu, Quỹ lựa chọn cổ phiếu của các doanh nghiệp hàng đầu các ngành có khả năng tăng trưởng lâu dài như công nghệ, bán lẻ, vật liệu, ngân hàng.

Đối với danh mục trái phiếu, Quỹ không ưu tiên trái phiếu chính phủ mà tập trung vào trái phiếu các doanh nghiệp đầu ngành, dòng tiền ổn định, lợi tức tốt và mức độ rủi ro thấp hoặc vừa phải. Tiền gửi chỉ được sử dụng để dự trữ thanh khoản.

QUỸ BỀN VỮNG

Quỹ Bền Vững đạt mức tăng giá trị tài sản ròng (NAV) trên một đơn vị quỹ ở mức 5,7%, cao hơn so với lãi suất trung bình của trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (2,66%) trong cùng giai đoạn đầu tư năm 2024.



PHÂN BỐ TÀI SẢN VÀ DANH MỤC CỦA QUỸ BỀN VỮNG TẠI NGÀY 26 THÁNG 12 NĂM 2024

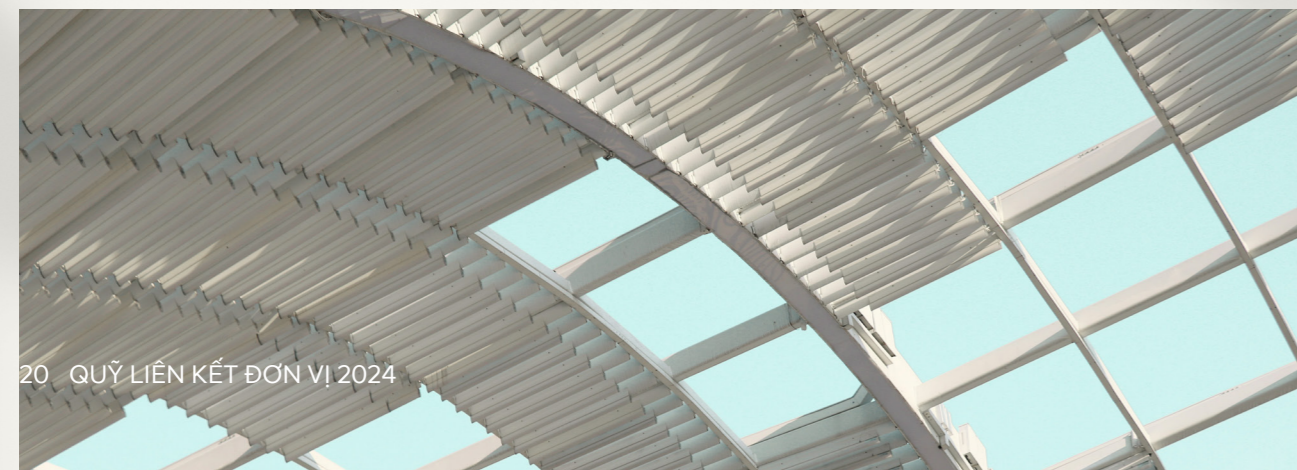
Phân bố tài sản:

- Tiền mặt và tiền gửi: 9,66%
- Trái phiếu doanh nghiệp: 88,67%
- Tài sản khác: 1,67%

Các khoản đầu tư lớn nhất:

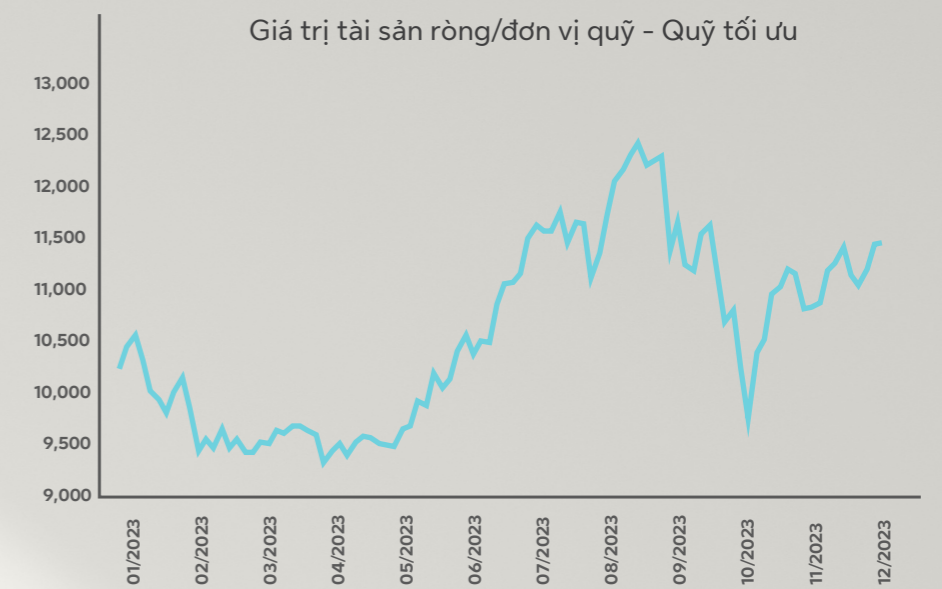
STT	KHOẢN ĐẦU TƯ	TỶ TRỌNG
1	Trái phiếu Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	16,24%
2	Chứng chỉ tiền gửi Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	15,54%
3	Trái phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Taseco	15,54%
4	Trái phiếu Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	15,43%
5	Trái phiếu Công ty cổ phần Transimex	11,42%
6	Trái phiếu Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco	9,32%
7	Trái phiếu Công ty cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital	5,18%

Trong năm 2024, Quỹ không ưu tiên trái phiếu chính phủ mà tập trung vào trái phiếu các doanh nghiệp đầu ngành, dòng tiền ổn định, lợi tức tốt và mức độ rủi ro thấp hoặc vừa phải. Ngoài ra, Quỹ duy trì một lượng tiền mặt và tiền gửi thấp cho thanh khoản cũng như các cơ hội giải ngân tiếp theo.



QUỸ TỐI ƯU

Quỹ Tối Ưu có sự thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên một đơn vị quỹ ở mức tăng 14,2%, tốt hơn so với VN-Index (tăng 12,8%) trong cùng giai đoạn đầu tư năm 2024.



PHÂN BỐ TÀI SẢN VÀ DANH MỤC CỦA QUỸ TỐI ƯU TẠI NGÀY 26 THÁNG 12 NĂM 2024

Phân bố tài sản:

- Tiền mặt và tiền gửi: 0,6%
- Cổ phiếu: 99,2%
- Tài sản khác: 0,2%

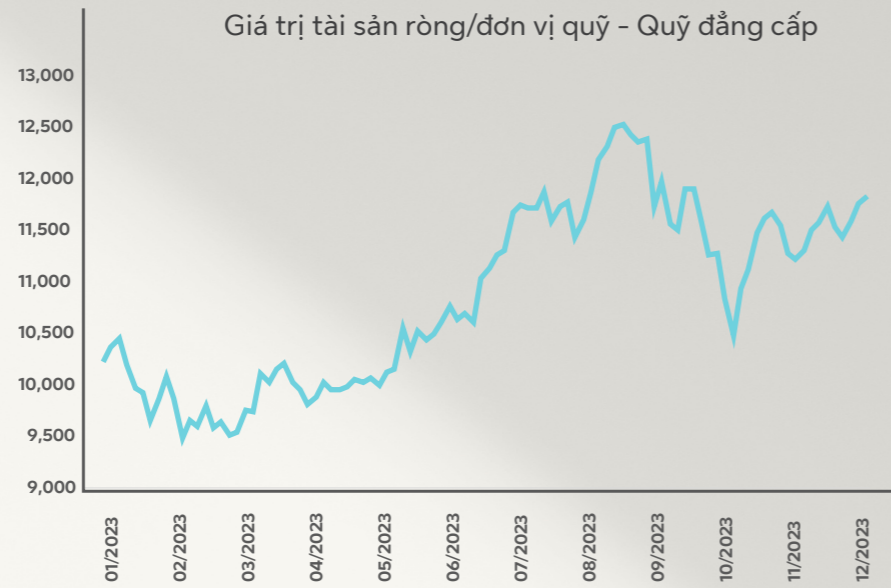
Các khoản đầu tư lớn nhất:

STT	KHOẢN ĐẦU TƯ	TỶ TRỌNG
1	Cổ phiếu Công ty Cổ phần FPT	11,14%
2	Cổ phiếu công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	9,91%
3	Cổ phiếu CTCP Đầu tư Thế giới Di động	9,43%
4	Cổ phiếu công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	8,99%
5	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	8,12%
6	Cổ phiếu Công ty cổ phần Hàng không VIETJET	4,99%
7	Cổ phiếu Công ty CP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	4,48%
8	Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	4,45%
9	Cổ phiếu Công ty cổ phần Gemadept	4,01%
10	Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX	2,11%

Quỹ tập trung vào xây dựng một danh mục cổ phiếu đa dạng thuộc 4 lĩnh vực đóng góp chủ đạo vào GDP trong dài hạn. Với mục tiêu đó, Quỹ lựa chọn cổ phiếu niêm yết của các doanh nghiệp hàng đầu trong các ngành Công nghiệp, Vật liệu, Công nghệ và Hàng tiêu dùng thỏa mãn một số tiêu chí về vốn hóa, giá trị giao dịch trung bình hàng ngày và lợi nhuận trong năm gần nhất. Danh mục của quỹ được tái cơ cấu hàng quý để đảm bảo việc phân bổ tài sản thỏa mãn các tiêu chí đầu tư đã được đề ra ban đầu. Bên cạnh đó, quỹ duy trì một lượng tiền mặt và tiền gửi thấp cho nhu cầu thanh khoản.

QUỸ ĐẲNG CẤP

Quỹ Đẳng Cấp có sự thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên một Đơn vị quỹ ở mức tăng 29,2%, tốt hơn so với VN-Index (tăng 12,8%) trong cùng giai đoạn đầu tư năm 2024.



PHÂN BỐ TÀI SẢN VÀ DANH MỤC CỦA QUỸ ĐẲNG CẤP TẠI NGÀY 26 THÁNG 12 NĂM 2024

Phân bổ tài sản:

- Tiền mặt và tiền gửi: 0,2%
- Cổ phiếu: 99,8%
- Tài sản khác: 0%

Các khoản đầu tư lớn nhất:

STT	KHOẢN ĐẦU TƯ	
1	Cổ phiếu Công ty Cổ phần FPT	16,19%
2	Cổ phiếu CTCP Đầu tư Thế giới Di động	13,86%
3	Cổ phiếu Công ty CP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	12,08%
4	Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam	9%
5	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Á Châu	8,34%
6	Cổ phiếu Công ty cổ phần Gemadept	7,89%
7	Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	6,92%
8	Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội	5,86%
9	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	5,42%
10	Cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long	4,53%

Quỹ tập trung vào xây dựng một danh mục cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng tốt thỏa mãn các tiêu chí về giá trị vốn hóa, giá trị giao dịch trung bình hàng ngày và cơ bản đã đạt giới hạn sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài. Danh mục của quỹ được tái cơ cấu hàng quý để đảm bảo việc phân bổ tài sản thỏa mãn các tiêu chí đầu tư đã được đề ra ban đầu. Bên cạnh đó, quỹ duy trì một lượng tiền mặt và tiền gửi thấp cho nhu cầu thanh khoản.

Báo cáo tình hình hoạt động của các Quỹ liên kết đơn vị

Phí bảo hiểm và tình hình thay đổi đơn vị quỹ liên kết đơn vị trong năm 2024

(Đơn vị tính: VND)

A. Tổng số phí bảo hiểm nộp trong năm:	239.194.209.524
Phí cơ bản	211.011.669.392
Phí đóng thêm	28.182.540.132
B. Chênh lệch giữa phí bảo hiểm đã thu chờ phân bổ tại ngày cuối năm	2.080.214.997
Phí bảo hiểm đã thu nhưng chưa phân bổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	4.699.439.974
Phí bảo hiểm đã thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và phân bổ trong năm 2024	(2.619.224.977)
C. Phần đóng góp tương ứng của Quỹ chủ sở hữu vào các Quỹ liên kết đơn vị	-
D. Phí ban đầu khấu trừ trước khi đầu tư vào các quỹ liên kết đơn vị	49.881.821.678
Năm thứ nhất	2.361.230.753
Năm thứ hai	4.690.187.773
Năm thứ ba	36.415.868.475
Năm thứ tư	5.147.117.996
Năm thứ tư	1.267.416.681
E. Tổng số phí đầu tư vào các quỹ liên kết đơn vị: (A-B-D)	187.232.172.849

TÊN QUỸ	SỐ DƯ ĐẦU NĂM			
	Số tiền	Số đơn vị quỹ	Giá bán	Giá mua
Quỹ Tăng Trưởng	337.876.150.821	21.163.358	15.966	15.966
Quỹ Cân Bằng	58.424.860.614	4.188.422	13.949	13.949
Quỹ Bền Vững	87.033.328.209	6.770.901	12.854	12.854
Quỹ Tối Ưu	69.202.980.265	6.036.901	11.463	11.463
Quỹ Đăng Cấp	71.421.700.473	6.031.146	11.842	11.842
	623.959.020.382	44.190.728	(**)	

TÊN QUỸ	SỐ PHÁT SINH TRONG NĂM			
	Số tiền	Số đơn vị quỹ	Giá bán	Giá mua
Quỹ Tăng Trưởng	201.012.960.003	5.274.913	(*)	(*)
Quỹ Cân Bằng	16.396.375.943	282.383	(*)	(*)
Quỹ Bền Vững	9.688.672.781	347.813	(*)	(*)
Quỹ Tối Ưu	9.948.742.631	6.838	(*)	(*)
Quỹ Đăng Cấp	21.055.645.876	14.810	(*)	(*)
	258.102.397.234	5.926.757		

TÊN QUỸ	SỐ DƯ CUỐI NĂM			
	Số tiền	Số đơn vị quỹ	Giá bán	Giá mua
Quỹ Tăng Trưởng	538.889.110.824	26.438.271	20.383	20.383
Quỹ Cân Bằng	74.821.236.557	4.470.804	16.736	16.736
Quỹ Bền Vững	96.722.000.990	7.118.714	13.588	13.588
Quỹ Tối Ưu	79.151.722.896	6.043.739	13.096	13.096
Quỹ Đăng Cấp	92.477.346.349	6.045.956	15.296	15.296
	882.061.417.616	50.117.484	(**)	

(*) Không áp dụng.

(**) Bao gồm 21.420.000 đơn vị quỹ từ quỹ mỗi thuộc sở hữu của chủ sở hữu và phần còn lại 28.697.484 đơn vị quỹ thuộc sở hữu của chủ hợp đồng bảo hiểm (tại ngày đầu năm: 21.420.000 đơn vị quỹ từ quỹ mỗi thuộc sở hữu của chủ sở hữu và phần còn lại 22.770.726 đơn vị quỹ thuộc sở hữu của chủ hợp đồng bảo hiểm).

TÌNH HÌNH TÀI SẢN CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

TÀI SẢN	QUỸ TĂNG TRƯỞNG	QUỸ CÂN BẰNG	QUỸ BỀN VỮNG	QUỸ TỐI ƯU	QUỸ ĐẲNG CẤP	TỔNG CỘNG
Tiền	59.214.244.468	305.615.340	863.872.383	487.414.432	208.986.666	61.080.133.289
Danh mục các khoản đầu tư	481.442.435.270	74.288.252.950	94.601.454.472	78.671.768.750	92.412.870.148	821.416.781.590
Tiền gửi có kỳ hạn	-	1.000.000.000	9.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Trái phiếu doanh nghiệp	-	27.946.821.040	85.601.454.472	-	-	113.548.275.512
Cổ phiếu	481.442.435.270	45.341.431.910	-	78.671.768.750	92.412.870.148	697.868.506.078
Tài sản khác	84.055.000	326.385.823	1.256.674.135	120.950.000	-	1.788.064.958
Tổng tài sản	540.740.734.738	74.920.254.113	96.722.000.990	79.280.133.182	92.621.856.814	884.284.979.837
Tổng nợ phải trả	1.851.623.914	99.017.556	-	128.410.286	144.510.465	2.223.562.221
Giá trị tài sản ròng vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	538.889.110.824	74.821.236.557	96.722.000.990	79.151.722.896	92.477.346.349	882.061.417.616
Giá trị tài sản ròng vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	337.876.150.821	58.424.860.614	87.033.328.209	69.202.980.265	71.421.700.473	623.959.020.382

THU NHẬP VÀ CHI PHÍ CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

(*) Phí hoạt động đầu tư áp dụng trên cơ sở tổng tài sản của Quỹ

TÀI SẢN	QUỸ TĂNG TRƯỞNG	QUỸ CÂN BẰNG	QUỸ BỀN VỮNG	QUỸ TỐI ƯU	QUỸ ĐẲNG CẤP	TỔNG CỘNG
Thu nhập						
Phí bảo hiểm đầu tư vào các quỹ	173.036.670.735	7.213.335.256	5.925.017.504	482.178.590	574.970.764	187.232.172.849
Phần đóng góp tương ứng của Quỹ chủ sở hữu vào các quỹ liên kết đơn vị (nếu có)	-	-	-	-	-	-
Thu nhập từ hoạt động đầu tư	111.783.199.087	13.439.756.829	6.759.435.207	11.500.335.274	22.701.316.828	166.184.043.225
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	-	82.112.328	1.204.173.355	-	-	1.286.285.683
<i>Trái phiếu doanh nghiệp</i>	-	2.243.180.438	5.555.261.852	-	-	7.798.442.290
<i>Cổ phiếu</i>	111.783.199.087	11.114.464.063	-	11.500.335.274	22.701.316.828	157.099.315.252
Thu khác	2.831.931.130	103.969.732	36.412.837	9.730.553	23.627.442	3.005.671.694
Tổng thu nhập	287.651.800.952	20.757.061.817	12.720.865.548	11.992.244.417	23.299.915.034	356.421.887.768
Chi phí						
Phí bảo hiểm rủi ro	20.775.093.198	961.916.039	556.142.634	170.847.072	173.337.187	22.637.336.130
Phí quản lý hợp đồng	4.436.375.210	229.909.247	149.590.114	30.130.677	33.434.421	4.879.439.669
Phí chuyển đổi quỹ	1.150.000	-	1.100.000	-	-	2.250.000
Rút giá trị tài khoản	50.245.996.356	1.631.079.868	645.715.283	200.558.528	172.203.439	52.895.553.474
Phí hoạt động đầu tư	11.180.226.185	1.537.780.720	1.679.644.736	1.641.965.509	1.865.294.111	17.904.911.261
Tổng chi phí	86.638.840.949	4.360.685.874	3.032.192.767	2.043.501.786	2.244.269.158	98.319.490.534
Chênh lệch giữa thu nhập và chi phí	201.012.960.003	16.396.375.943	9.688.672.781	9.948.742.631	21.055.645.876	258.102.397.234
Thu nhập chưa phân chia chuyển từ kỳ trước sang						
Thu nhập phân chia	201.012.960.003	16.396.375.943	9.688.672.781	9.948.742.631	21.055.645.876	258.102.397.234
<i>Cho chủ hợp đồng</i>	201.012.960.003	6.867.549.021	5.291.923.644	149.813.605	334.115.322	213.656.361.595
<i>Cho chủ sở hữu về thu nhập của quỹ mỗi</i>	-	9.528.826.922	4.396.749.137	9.798.929.026	20.721.530.554	44.446.035.639
Thu nhập chưa phân chia chuyển sang năm sau	-	-	-	-	-	-

Triển vọng năm 2025

Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP ở mức

8,0%

hướng tới nhóm quốc gia có thu nhập trung bình cao vào 2030.

1 Triển vọng thị trường

KINH TẾ VĨ MÔ

Năm 2025, kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ duy trì mức tăng trưởng thấp, khoảng 2,7%. Sự tăng trưởng chậm lại của Mỹ và Trung Quốc sẽ được bù đắp bởi sự phục hồi tại các thị trường đang phát triển. Lạm phát toàn cầu được kỳ vọng sẽ tiếp tục giảm nhờ giá hàng hóa hạ nhiệt và tác động trễ của các chính sách tiền tệ thắt chặt. Những rủi ro lớn trong triển vọng kinh tế toàn cầu bao gồm căng thẳng địa chính trị, chính sách bảo hộ thương mại gia tăng, sự biến động trong điều hành kinh tế và suy giảm đầu tư. Trong bối cảnh toàn cầu với nhiều biến động, Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP ở mức 8% với đồng thời thúc đẩy cải cách kinh tế và bộ máy nhà nước để hướng tới nhóm quốc gia có thu nhập trung bình cao vào năm 2030.

Chính sách tiền tệ nới lỏng được kỳ vọng sẽ tiếp tục được duy trì trong năm 2025 với tăng trưởng tín dụng mục tiêu khoảng 16% nhằm hỗ trợ doanh nghiệp. Đầu tư công tiếp tục được đẩy mạnh với kế hoạch giải ngân tăng 17% so với năm 2023 nhằm hoàn thành các dự án trọng điểm như cao tốc Bắc - Nam, sân bay Long Thành. Nhờ tình hình tài khóa lành mạnh với nợ công ở mức khoảng 37% GDP, Việt Nam vẫn có dư địa để thúc đẩy chi tiêu công và hỗ trợ tăng trưởng. Tiêu dùng trong nước được kỳ vọng sẽ tiếp tục được cải thiện nhờ môi trường lãi suất thấp được duy trì và các chính sách kích thích kinh tế. Chính phủ cũng tập trung cải thiện môi trường kinh doanh để thu hút FDI chất lượng cao và hỗ trợ doanh nghiệp nội địa.

Mặc dù vậy, với độ mở kinh tế ngày càng lớn, xuất khẩu có thể tăng chậm lại do ảnh hưởng từ chính sách thương mại của chính quyền Mỹ và nguy cơ suy thoái. Đồng Việt nam được dự báo sẽ tiếp tục mất giá khoảng 3% trong năm 2025.

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Năm 2025, theo định hướng tiếp tục hỗ trợ nền kinh tế của Chính Phủ, NHNN vẫn duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng và FED tiếp tục giảm lãi suất. Tuy nhiên, dư địa cho chính sách tiền tệ của VN sẽ bị hạn chế hơn so với dự kiến dưới áp lực của đồng USD mạnh lên và rủi ro về việc Mỹ tiếp tục thực hiện các cuộc điều tra về thao túng tiền tệ. Cùng với đó, sự phục hồi của hoạt động sản xuất và việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công trong năm 2025 được kỳ vọng sẽ là yếu tố quan trọng giúp thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, qua đó sẽ gia tăng áp lực lên lãi suất đầu vào. Tuy nhiên, NHNN đã đưa ra chỉ đạo về việc ổn định lãi suất huy động và tiếp tục phấn đấu giảm lãi suất cho vay. Do đó, lãi suất huy động được dự báo sẽ đi ngang trong nửa đầu năm 2025, và tăng nhẹ từ 0,5% - 1% vào nửa cuối năm. Đối với lãi suất cho vay tương tự lãi suất huy động, mặt bằng lãi suất sẽ đi ngang và sẽ tăng nhẹ từ 0,5% - 0,7%, nhưng sẽ có độ trễ từ 3 - 6 tháng so với lãi suất huy động.

Về tỷ giá, trước sự biến động của đồng USD, NHNN duy trì biên độ dao động +/-5% và can thiệp khi cần thiết để giữ ổn định thị trường ngoại hối. Tỷ giá USD/VND được điều hành linh hoạt, phù hợp với điều kiện thị trường.

Sang năm 2025, NHNN đặt mục tiêu định hướng tăng trưởng tín dụng đạt 16%. Động lực tăng trưởng tín dụng đến sẽ đến từ mặt bằng lãi suất thấp tạo lực đẩy cho nhu cầu vay vốn của cá nhân và doanh nghiệp.

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Áp lực phát hành TPCP trong năm 2025 dự kiến sẽ khá cao khi Bộ Tài chính giao cho KBNN huy động 500 nghìn tỷ đồng TPCP nhằm thúc đẩy đầu tư công để đạt được mức tăng trưởng GDP Chính phủ đặt ra là 8% - 10%. Đây là mức chỉ tiêu vốn TPCP rất cao, gấp 1,7 lần so với thực hiện kế hoạch năm 2024. Do đó, KBNN cho biết sẽ tập trung phát hành TPCP ngay từ đầu năm và sẽ thông báo kế hoạch huy động theo tháng thay vì hàng quý như trước đây. Lợi suất trái phiếu chính phủ được dự đoán sẽ đi ngang trong sáu tháng đầu năm. Tuy nhiên, trong nửa cuối năm khả năng cao lợi suất trái phiếu sẽ tăng.

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp nhiều khả năng sẽ tiếp tục phục hồi trong năm 2025 nhờ dự báo kinh tế thuận lợi và tâm lý nhà đầu tư cải thiện. Lãi suất dự kiến vẫn duy trì ở mức thấp do lạm phát trong tầm kiểm soát và chính sách tiền tệ nới lỏng. Tuy nhiên, áp lực từ chi tiêu công, tăng trưởng tín dụng cao và diễn biến tỷ giá có thể khiến lãi suất tăng khoảng 50 đến 100 điểm so với năm 2024.

Do triển vọng kinh tế toàn cầu còn nhiều bất định và chính sách bảo hộ thương mại của chính quyền Mỹ tiềm ẩn rủi ro, các doanh nghiệp nội địa có thể sẽ duy trì tâm lý thận trọng, hạn chế mở rộng đầu tư sản xuất. Điều này khiến nhu cầu tái cơ cấu vốn sẽ vẫn là động lực chính cho hoạt động phát hành trái phiếu trong năm 2025.

Rủi ro vỡ nợ cần tiếp tục được theo dõi chặt chẽ, đặc biệt đối với các doanh nghiệp bất động sản và công ty có đòn bẩy tài chính cao khi một lượng lớn trái phiếu sẽ đáo hạn vào nửa sau của năm 2025 khi mà thời gian giãn nợ trái phiếu kết thúc. Nhiều khả năng thị trường sẽ tiếp tục phân hóa, với lãi suất phát hành phụ thuộc vào sức khỏe tài chính và mức độ minh bạch của từng doanh nghiệp. Bên cạnh đó, thị trường còn chịu tác động từ việc triển khai các cải cách pháp lý liên quan đến hoạt động phát hành, giao dịch và kiểm soát rủi ro trên thị trường trái phiếu.

THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU

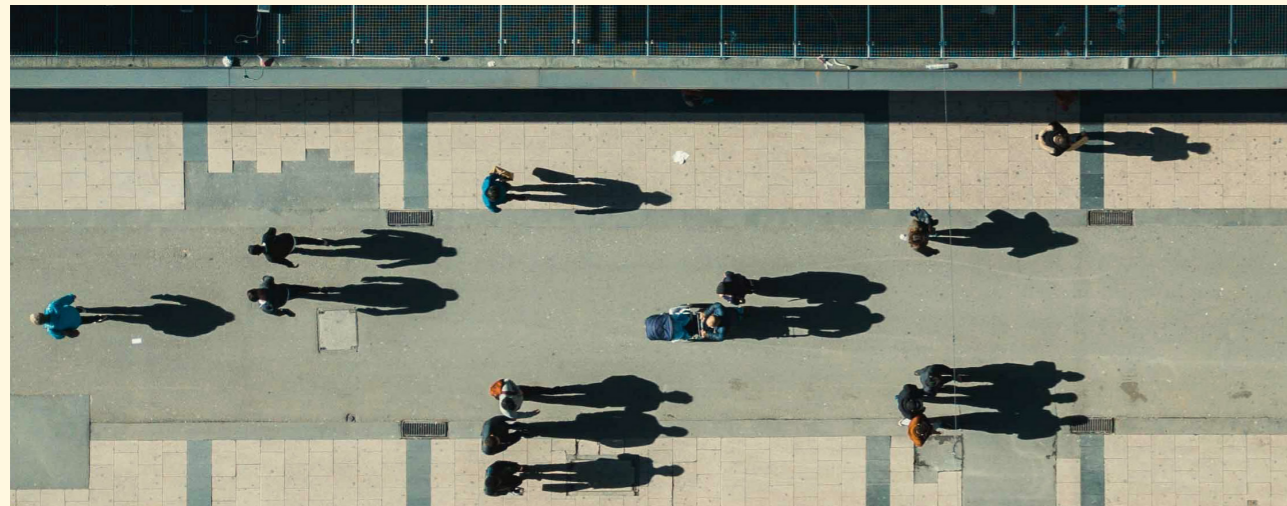
Thị trường chứng khoán Việt Nam được kỳ vọng sẽ duy trì đà tăng trưởng trong năm 2025, hỗ trợ bởi dự báo kinh tế thuận lợi, tăng trưởng thu nhập phục hồi, định giá hấp dẫn và môi trường lãi suất thấp. Ngoài ra, những nỗ lực trong việc nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi trong năm 2025 sẽ tiếp tục hỗ trợ tâm lý nhà đầu tư. VN-Index đang giao dịch ở mức Giá/Lợi nhuận (P/E) dự báo cho năm 2025 vào khoảng 12,5 lần, thấp hơn 19% so với trung bình 10 năm gần đây.

Ở chiều ngược lại những rủi ro mà nền kinh tế cũng như thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ phải đối mặt là: (1) Những biến động trong chính sách thuế quan và ngoại giao của chính quyền tổng thống Trump; (2) xu hướng mạnh lên của đồng USD kéo theo mức lạm phát cao hơn; (3) căng thẳng địa chính trị trong khu vực và trên thế giới tiếp tục tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế của các đối tác thương mại và đầu tư lớn của Việt Nam.

Trong năm 2025, đặt trong bối cảnh mức độ biến động lớn của thị trường, chúng tôi cho rằng nhà đầu tư nên tập trung vào các doanh nghiệp với vị thế kinh doanh tốt, nền tảng tài chính vững mạnh, hưởng lợi từ chính sách đầu tư công và thúc đẩy tăng trưởng tín dụng. Các ngân hàng với chất lượng tài sản tốt, các doanh nghiệp bất động sản khu công nghiệp, các doanh nghiệp phát triển hạ tầng, vật liệu xây dựng và công ty chứng khoán là những khoản đầu tư tiềm năng.

GIỚI THIỆU VỀ Công ty Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)

SSIAM được thành lập vào 2007 và là một thành viên thuộc 100% sở hữu của Công ty CPCK SSI – công ty chứng khoán lớn nhất thị trường Việt Nam tính theo vốn hóa thị trường và doanh thu.



Triết lý đầu tư và sự khác biệt của SSIAM



15.000+ Tỷ đồng

(TÍNH ĐẾN THÁNG 02/2025)

- Tổng giá trị tài sản SSIAM quản lý khoảng 15.000+ tỷ đồng (tính đến tháng 02/2025).
- Với mạng lưới của SSI và nhiều năm kinh nghiệm của SSIAM, SSIAM mang lại cho khách hàng những cơ hội đầu tư tốt nhất trên thị trường, được chọn lọc kỹ lưỡng thông qua quá trình phân tích chuyên sâu dựa trên sự kết hợp hài hòa của phương pháp phân tích từ dưới lên và từ trên xuống, cũng như dựa trên năng lực thực hiện đầu tư và quản lý hậu đầu tư hiệu quả.

SSIAM ĐÃ ĐƯỢC GHI NHẬN VỚI NHỮNG GIẢI THƯỞNG ĐÁNG TỰ HÀO



ALPHA SOUTHEAST ASIA

- “Nền tảng di động và trực tuyến tốt nhất (Công ty Quản lý Quỹ)” năm 2024
- “Công ty Quản lý Quỹ và Tài sản tốt nhất Việt Nam” năm 2020, 2021, 2022, 2023, 2024 (5 năm liên tiếp)
- “Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam cho các Danh mục Bảo hiểm và Chương trình Hưu trí Tư nhân” năm 2020, 2021, 2023, 2024 (2 năm liên tiếp)
- “Nhà Quản lý Quỹ tốt nhất (Quỹ Cân Bằng)” năm 2021



THE ASSET

- “Công ty Quản lý Quỹ của Năm” năm 2012, 2014, 2021, 2022, 2023, 2024 (4 năm liên tiếp)
- “Công ty Quản lý Quỹ nội địa của Năm” năm 2015, 2016, 2017, 2018
- “Nhà Phát hành ETF của Năm” 2021



THE ASIANINVESTOR

- “Giải thưởng Thị trường - Việt Nam” năm 2024
- “Công ty Quản lý Quỹ nội địa tốt nhất Việt Nam” năm 2010
- “Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam” năm 2015, 2016, 2017, 2018
- “Hoạt động Phát triển Kinh doanh Tốt Nhất” năm 2022



ASIA ASSET MANAGEMENT

- “Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam” năm 2012, 2013, 2016
- “Tổng Giám đốc của Năm” năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2020, 2022
- “Giám đốc Đầu Tư của Năm” năm 2013, 2014, 2015
- “Quỹ mới của Năm” 2020

GIỚI THIỆU CÁC
GIẢI PHÁP TIÊU BIỂU TỪ

Sun Life



SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

SUN - Sống Mới

Giải pháp tài chính tiên phong
Chấp cánh cho hành trình khác biệt



Đa tầng bảo vệ

Trước các rủi ro, đặc biệt chi trả đến 1 tỷ đồng với quyền lợi
Bệnh hiểm nghèo⁽¹⁾



Chở che gia đình 3 thế hệ

Quyền lợi đột phá khi có người phụ thuộc⁽¹⁾



Tích lũy hiệu quả

Lãi suất được đảm bảo và thưởng hấp dẫn



Hưu trí thành thơi

Đặc quyền rút tiền định kỳ tự động, miễn phí

Quét mã để tham khảo
thông tin sản phẩm



(1) Tùy vào độ tuổi, thời gian đóng phí, Số tiền bảo hiểm, Chương trình tham gia và áp dụng theo Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.



SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
SUN - Sống Tinh Hoa

Giải pháp tài chính vượt trội
 Mở khoá đặc quyền, nâng tầm tích lũy



Tích lũy và kế thừa tinh hoa
 Với lãi suất đảm bảo trong suốt Thời hạn bảo hiểm và các khoản thưởng hấp dẫn



Bảo vệ vượt trội
 Với phí bảo vệ đặc biệt ưu đãi



Linh hoạt kế hoạch tài chính
 Đóng phí, rút tiền, điều chỉnh kế hoạch bảo hiểm



Đặc quyền ưu tiên thẩm định
 Dành riêng cho khách hàng cao cấp của SUN - Sống Tinh Hoa

Quét mã để tham khảo thông tin sản phẩm



SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
SUN - Khí Chất

Giải pháp tài chính ưu việt
 Nâng tầm bảo vệ, thăng hoa đầu tư



Chu toàn bảo vệ
 An tâm trước các rủi ro nghiêm trọng: tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, tai nạn



Nâng tầm đầu tư
 Tăng trưởng tài sản hiệu quả với thời gian đóng phí ngắn



Lan toả giá trị
 Gia tăng bảo vệ những người thân yêu hoặc đóng góp cho cộng đồng



Dẫn dắt cơ hội
 Chủ động lựa chọn, điều chỉnh kế hoạch tích lũy và bảo vệ theo nhu cầu

Quét mã để tham khảo thông tin sản phẩm



Các giải pháp Bảo hiểm Bổ sung

Gia tăng bảo vệ đa tầng toàn diện cho cả gia đình với các sản phẩm bổ sung

Bảo hiểm bổ sung Sống Chất

Giải pháp chăm sóc sức khỏe toàn diện với Quyền lợi San sẻ yêu thương đặc biệt cho gia đình 3 thế hệ

Bảo hiểm bổ sung Bệnh Hiểm Nghèo Toàn Diện

Bảo vệ tài chính trước rủi ro bệnh hiểm nghèo

Bảo hiểm bổ sung Hỗ Trợ Viện Phí

Dự phòng tài chính khi nằm viện

Bảo hiểm bổ sung Đóng Phí Bệnh Hiểm Nghèo

Miễn đóng phí bảo hiểm trong tương lai nếu không may mắc bệnh hiểm nghèo

Bảo hiểm bổ sung Tử kỳ

Bảo vệ tài chính trước rủi ro tử vong hoặc thương tật toàn bộ vĩnh viễn

Bảo hiểm bổ sung Sống An

Bảo vệ tài chính trước các rủi ro tai nạn

Bảo hiểm bổ sung Hỗ Trợ Đóng Phí

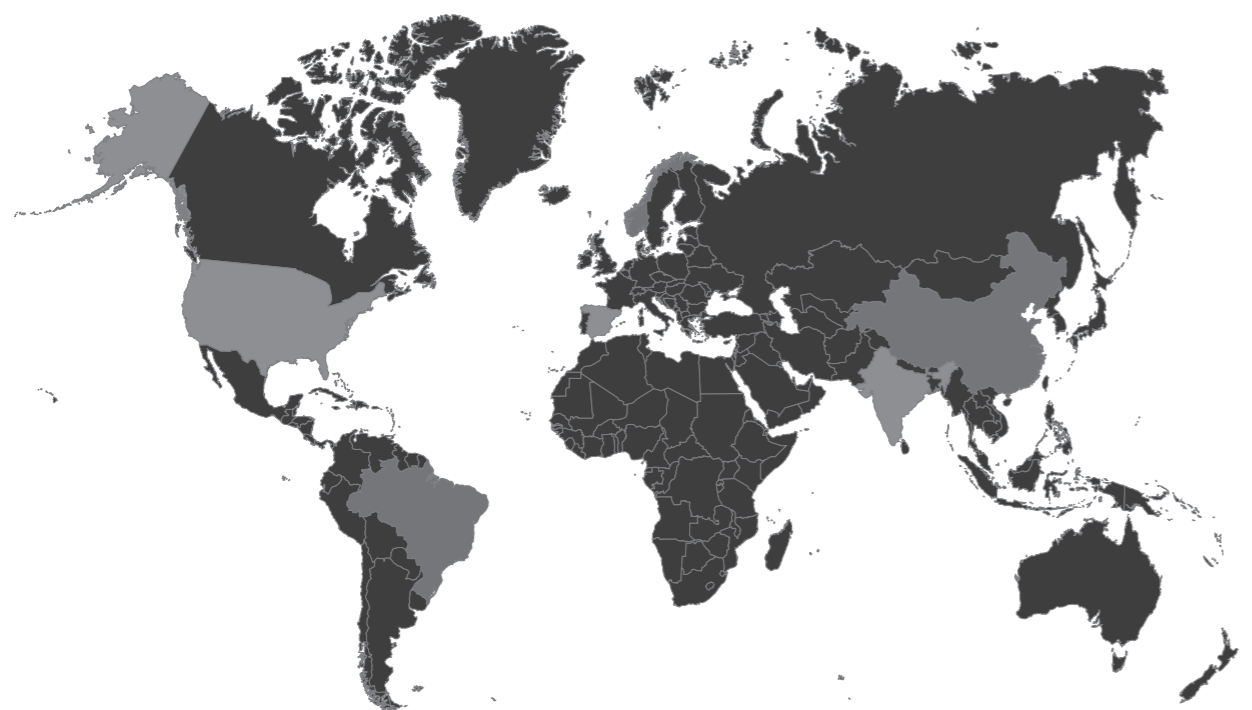
Miễn đóng phí bảo hiểm trong tương lai khi thành viên trụ cột Tử vong hoặc Thương tật toàn bộ vĩnh viễn





TẬP ĐOÀN

Sun Life



ĐƯỢC THÀNH LẬP

1865

TẠI CANADA



PHỤC VỤ

85 Triệu

KHÁCH HÀNG



HOẠT ĐỘNG TẠI

28

THỊ TRƯỜNG

1.075 TỶ ĐÔ LA MỸ

TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN QUẢN LÝ(*)



66.900

NHÂN VIÊN(*)

95.000



TƯ VẤN
TÀI CHÍNH(*)



Giải thưởng

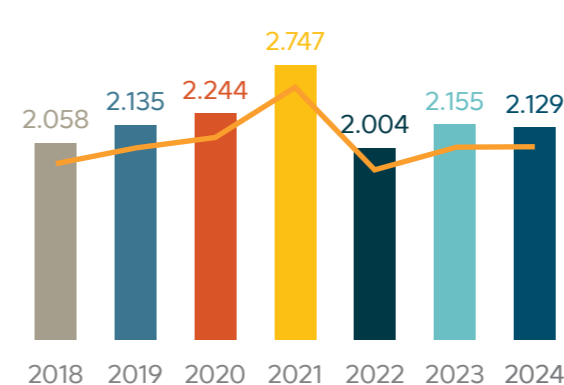
- Top 100 Công ty phát triển bền vững nhất thế giới
- Thương hiệu được tin nhiệm nhất
- Global100 15 năm liên tiếp
- Nơi làm việc tốt nhất

XẾP HẠNG SỨC MẠNH TÀI CHÍNH

Standard & Poor's	Moody's	A.M. Best	DBRS
AA	AA3	A+	AA

LỢI NHUẬN KINH DOANH

Đơn vị: triệu Đô la Mỹ

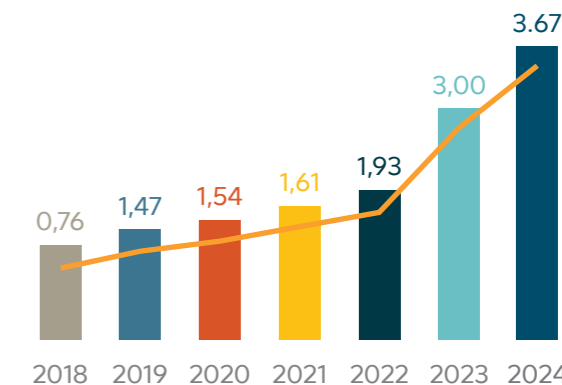


TỶ SUẤT LỢI NHUẬN TRÊN VỐN

17,2%

CỔ TỨC TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG

Đơn vị: Đô la Mỹ



TỶ LỆ TRẢ CỔ TỨC

49%

(*) Số liệu tính đến 31/12/2024
Tỷ giá: 1 CAD = 0,7 USD

SUNLIFE VIỆT NAM

1

TOP 1
SẢN PHẨM HỮU TRÍ



17.944
TỶ ĐỒNG
VỐN ĐIỀU LỆ



47
VĂN PHÒNG KINH DOANH
& TỔNG ĐẠI LÝ TRÊN TOÀN QUỐC



CÔNG TY CUNG CẤP GIẢI PHÁP
BẢO HIỂM NHÂN THỌ
TỐT NHẤT VIỆT NAM 2021

TOP 10 CÔNG TY
BẢO HIỂM NHÂN THỌ
UY TÍN NHẤT VIỆT NAM 2021

CÔNG TY BẢO HIỂM NHÂN THỌ CÓ
DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG
TỐT NHẤT 2024

"NƠI LÀM VIỆC XUẤT SẮC"

NĂM 2022, 2023, 2024
DO GREAT PLACE TO WORK® TRAO TẶNG

